

**PROPERTY ALL RISKS PROPOSAL FORM**  
**GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TÀI SẢN**

**Intermediary/Trung gian bảo hiểm:** \_\_\_\_\_ **Account No./Mã số:** \_\_\_\_\_  
**Tel No./Số điện thoại:** \_\_\_\_\_ **Fax No./Số fax:** \_\_\_\_\_  
**Email/Thư điện tử:** \_\_\_\_\_

Please write or tick ☐ where applicable.

Xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi dưới đây bằng cách viết hoặc đánh dấu vào ☐ nơi tương ứng.

**1. The Proposer/Người yêu cầu bảo hiểm**

Registered Business name/Tên đăng ký kinh doanh: \_\_\_\_\_

Mailing address/Địa chỉ giao dịch: \_\_\_\_\_

Tel No./Số điện thoại: \_\_\_\_\_ Fax No./Số fax: \_\_\_\_\_

Email/Thư điện tử: \_\_\_\_\_

Nature of Business (Please provide full description)/Ngành nghề kinh doanh (xin miêu tả chi tiết): \_\_\_\_\_

Tax Number/ Mã số thuế \_\_\_\_\_

Business Registration No./Số đăng ký kinh doanh: \_\_\_\_\_

Number of Years in Business/Số năm hoạt động kinh doanh: \_\_\_\_\_

Mortgagee (if any)/Bên cầm cố thế chấp (nếu có): \_\_\_\_\_

**2. Period of Insurance/Thời hạn bảo hiểm:** From/Từ: \_\_\_\_\_ To/Đến: \_\_\_\_\_

**3. The Premises to be insured/Địa điểm có yêu cầu bảo hiểm**

Location/Địa điểm: \_\_\_\_\_

Use of Premises/Mục đích sử dụng địa điểm:

☐ Office Building/Tòa nhà văn phòng

☐ Apartment Building/Tòa nhà Căn hộ

☐ Hotel/Khách sạn

☐ Commercial Centre/Trung tâm Thương mại

☐ Shop/Cửa hàng

☐ Restaurant/Nhà hàng

☐ Dwelling/Nhà ở

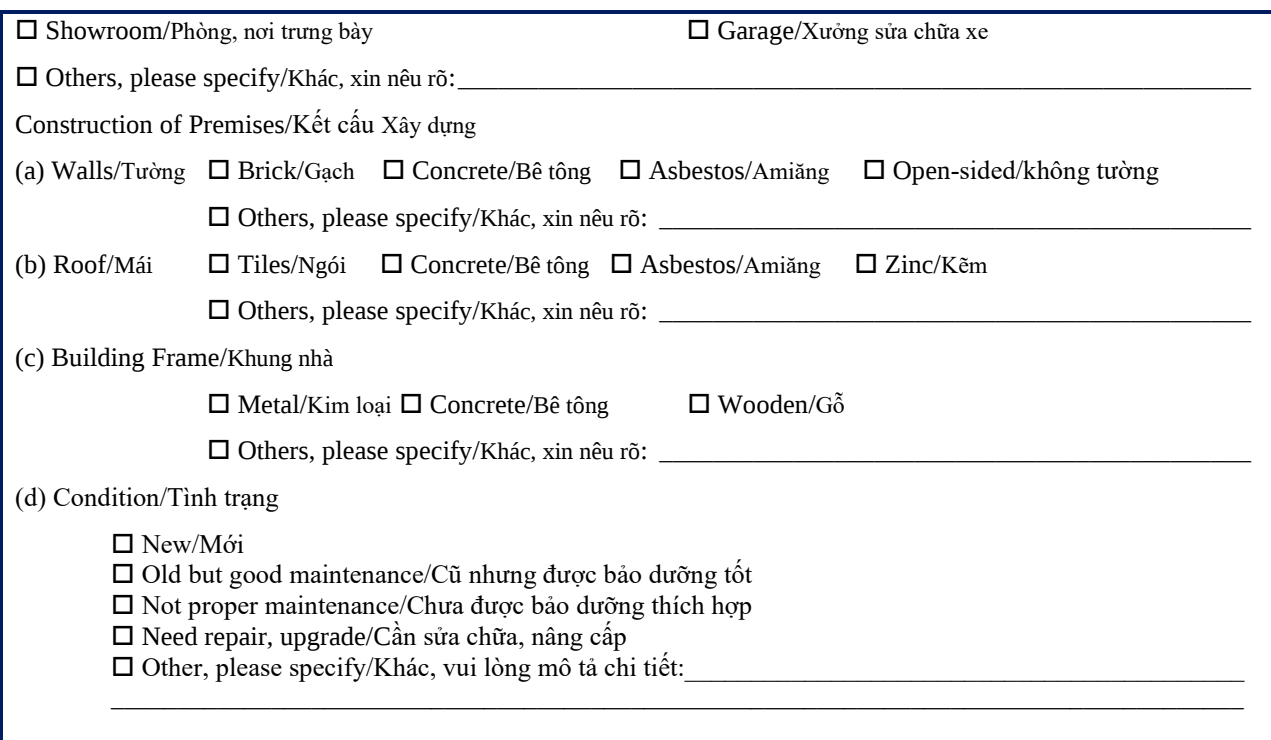
☐ Warehouse/Nhà kho

☐ Manufacturing/Xưởng sản xuất

☐ Engineering/Công trình xây dựng

**Head Office:** Vincom Office Building, 18<sup>th</sup> Floor  
45A Ly Tu Trong Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: (84-28) 38 125 125  
Fax: (84-28) 38 125 018

**Hanoi Branch Office:** Lotte Center Building, East Tower, 10<sup>th</sup> Floor  
54 Lieu Giai, Ba Dinh District  
Hanoi, Vietnam  
Tel: (84-24) 37 557 111  
Fax: (84-24) 37 557 066



|                                             |                                                           |                                   |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| ▪ Sprinkler/Hệ thống cứu hỏa tự động        | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Fire Distinguisher/Bình cứu hỏa           | <input type="checkbox"/> Yes & Number/Có & Số lượng:_____ | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Yard Hydrants/Họng nước cứu hỏa trong sân | <input type="checkbox"/> Yes & Number/Có & Số lượng:_____ | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Hose Reels/Vòi rồng                       | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Fire Alarm/Chuông báo cháy                | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |

**Nếu Có, chuông báo cháy được nối tới đâu?**

- Smoke Detector/Máy phát hiện khói ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Heat Detector/Máy phát hiện nhiệt ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- In-house Fire Brigade/Đội cứu hỏa tại chỗ ☐ Yes/Có ☐ No/Không

**Nếu Có**, họ có được tập huấn không và số người có trong đội.

- Protection other than the above/Các biện pháp bảo vệ khác ngoài những biện pháp kể trên, xin nêu rõ: \_\_\_\_\_

- Surveillance Camera/Camera theo dõi ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Burglar Alarm System/Hệ thống cảnh báo trộm ☐ Yes/Có ☐ No/Không

(b) Whether connected to a central monitoring station? ☐ Yes/Có ☐ No/Không

Hệ thống có được nối với trạm giám sát trung tâm không?

- |                                                          |                                 |                                   |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| ▪ Grilled Doors/Cửa lưới sắt                             | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ 24 Hours Watchman Service/Nhân viên bảo vệ trực 24/24h | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Security Checkpoint/Chốt kiểm soát                     | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____         |                                 |                                   |
| _____                                                    |                                 |                                   |
| _____                                                    |                                 |                                   |

#### 6. Property to be insured/Tài sản yêu cầu bảo hiểm

| Items/Hạng mục                                                                                                                            | Property Value (USD/VND)<br>Giá trị tài sản (USD/VND) | Sum Insured (USD/VND) (*)<br>Số tiền bảo hiểm (USD/VND) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| (a) Building/ Plant /Improvement Cost<br>/Tòa nhà/Xưởng/Các chi phí sửa sang                                                              | _____                                                 | _____                                                   |
| (b) Furniture, Fixtures & Fittings<br>/Đồ đạc, trang thiết bị                                                                             | _____                                                 | _____                                                   |
| (c) Office & Business Equipment<br>/Thiết bị văn phòng & kinh doanh                                                                       | _____                                                 | _____                                                   |
| (d) Stock & Materials consisting of, please specify:<br>Hàng hóa và nguyên vật liệu bao gồm, vui lòng<br>liệt kê chi tiết: _____<br>_____ | _____<br>_____                                        | _____<br>_____                                          |
| (e) Machinery & Equipment<br>/ Máy móc & Thiết bị                                                                                         | _____                                                 | _____                                                   |
| (f) Loss of Rent<br>Thiệt hại về tiền cho thuê địa điểm: ____ months/tháng                                                                | _____                                                 | _____                                                   |
| (g) Others, please specify<br>/Khác, xin nêu rõ: _____<br>_____                                                                           | _____<br>_____                                        | _____<br>_____                                          |
| <b>Total Sum Insured (USD/VND)</b><br>Tổng số tiền bảo hiểm (USD/VND)                                                                     | _____                                                 | _____                                                   |

Turnover of each year in three (03) latest years/Doanh thu của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_

Stock of each year in three (03) latest years/Hàng hoá tồn kho của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_

(\*) If the property hereby insured shall, at the commencement of any Damage, be collectively of greater value than the sum insured thereon, then the Insured shall be considered as being his own insurer for the difference, and shall bear a rateable proportion of the loss accordingly. Please read the basic wording and / or contact person in charge for

further information.

Nếu Tài sản được Bảo hiểm tại thời điểm xảy ra Thiệt Hại có tổng giá trị lớn hơn số tiền bảo hiểm, thì Người được Bảo hiểm sẽ được xem như là nhà bảo hiểm của chính họ cho phần chênh lệch và theo đó phải tự gánh chịu một phần tổn thất theo tỷ lệ tương ứng. Xin vui lòng đọc kỹ quy tắc bảo hiểm và/hoặc liên hệ với Công ty bảo hiểm để được giải thích chi tiết.

### 7. Risk hazards/ Nguy cơ rủi ro

- Fire/Cháy:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Explosion/Nổ:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Storm, typhoon/Giông bão:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Flood/Ngập lụt:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Tide/Triều cường:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Earthquake/Động đất:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Landslide subsidence/Đất lở, đất trượt:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ

### 8. Loss Experience/Lịch sử Tổn thất

Please give full particulars of all losses for the last 5 years/Cho biết chi tiết của tất cả các tổn thất trong 5 năm gần đây.

| Date of Loss<br>Ngày xảy ra thiệt hại | Nature of Loss<br>Bản chất của thiệt hại | Amount of Loss (USD/VND)<br>Số tiền tổn thất (USD/VND) |
|---------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |

### 9. Other Information / Các thông tin khác

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| (a) | Are there any hazardous goods stored in the Premises? <b>If Yes</b> , please state the types of hazardous goods: _____<br>Trong nhà xưởng có chứa các loại hàng hóa nguy hiểm không? <b>Nếu Có</b> , xin cho biết tên loại hàng hóa đó: _____ | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |
| (b) | Is the Premises shared with others? <b>If Yes</b> , please state its nature of business?<br>Nhà xưởng có dùng chung với đơn vị khác không? <b>Nếu Có</b> , xin cho biết ngành nghề kinh doanh?<br>_____<br>_____<br>_____                     | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (c) | <p>Does the building adjoin any other premises? <b>If Yes</b>, please state its nature of business.</p> <p>Tòa nhà có nối liền với khu nhà xưởng nào khác không? <b>Nếu Có</b>, xin cho biết ngành nghề kinh doanh tại khu nhà xưởng đó.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>Neighboring exposure/Rủi ro lân cận</p> <p>Front/Phía trước: _____</p> <p>Rear/Phía sau: _____</p> <p>Left/Bên trái: _____</p> <p>Right/Bên phải: _____</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không                                                                                                                                                                     |
| (d) | <p>Is there any insurance in force on the same property being proposed?</p> <p>Tài sản được yêu cầu bảo hiểm trong Giấy yêu cầu này có trùng với bất kỳ một đơn bảo hiểm nào khác đang có hiệu lực không?</p> <p><b>If Yes</b>, please state/<b>Nếu Có</b>, xin cho biết:</p> <p>(i) Name of Insurer/Tên công ty bảo hiểm: _____</p> <p>(ii) Sum Insured/Số tiền bảo hiểm (USD/VND): _____</p> <p>(iii) Insurance Period/thời hạn bảo hiểm: _____</p>                                                                                                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không                                                                                                                                                                     |
| (e) | <p>Has any insurance company ever/Có công ty bảo hiểm nào đã từng:</p> <p>(i) declined your Fire/Property All Risks Proposal?<br/>từ chối Giấy yêu cầu bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro tài sản của quý vị?</p> <p>(ii) required special terms to insure you?<br/>áp dụng điều kiện đặc biệt trong bảo hiểm của quý vị?</p> <p>(iii) cancelled or refused to renew your Fire/Property All Risks Policy?<br/>hủy bỏ hay từ chối tái tục bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro tài sản của quý vị?</p>                                                                                                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không             |
| (f) | <p>Is the Premises located with area which affected: / Nhà xưởng, địa điểm tham gia bảo hiểm có gần khu vực bị tác động bởi:</p> <p>(i) By flooding, tidal / dễ ảnh hưởng bởi lũ, lụt, triều cường. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>(ii) Nearby any dam, lake, hydroelectric plant/ gần khu vực đập, hồ, thủy điện. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>iii) Other element/ ảnh hưởng bởi các yếu tố khác. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |

(g) Manufacturing process (If apply)/Quy trình sản xuất (nếu có): \_\_\_\_\_

#### 10. Details of Expiring Insurance/Chi tiết về bảo hiểm sắp đáo hạn

Please provide the following information/Xin vui lòng cung cấp các thông tin sau:

(a) Insurer/Công ty bảo hiểm: \_\_\_\_\_

(b) Sum Insured (USD/VND): \_\_\_\_\_  
Số tiền bảo hiểm

(c) Annual Premium (USD/VND): \_\_\_\_\_  
Phí bảo hiểm năm

(d) Deductible: \_\_\_\_\_  
Mức miễn thường

(e) Special Terms and Conditions: \_\_\_\_\_  
Các điều kiện và điều khoản đặc biệt

(f) Expiry Date/Ngày đáo hạn: \_\_\_\_\_

#### 11. Additional Information/Thông tin bổ sung

Please attach sketch plan and photographs if available/Vui lòng đính kèm sơ đồ nhà xưởng và hình ảnh nếu có.

#### 12. Mode of Payment/Phương thức thanh toán

- ☐ Bank transfer / chuyển khoản      ☐ Cash at the Company / nộp tiền mặt tại Công ty Bảo hiểm  
☐ Cash via Agent or Sales staff / nộp tiền mặt cho Đại lý hay cho nhân viên bán hàng của Công ty Bảo hiểm

#### 13. Language of the Policy/ Ngôn ngữ Hợp Đồng

- ☐ English / Tiếng Anh      ☐ Vietnamese / Tiếng Việt

#### Declaration/Cam kết

1/ WE/I DO HEREBY REPRESENT AND WARRANT that the answers/information given above in every respect are true, complete and correct. We/I agree that the answers/information provided above shall be the basis of the Insurance Policy between the Company and ourselves/myself. We/I have received, read, understand and agree to the Company's applicable PROPERTY ALL RISKS INSURANCE policy wording, including but not limitation to, coverage terms, exclusions and conditions expressed therein. We/I hereby agree that the Company can (i) send information on its products and services as well as other customer services' information, to our phone numbers and/or email/mail addresses and (ii) provide all information relating to any third party vendors that provide data processing, back-up and/or storage services to the Company.

CHÚNG TÔI/TÔI ĐOAN KẾT RẰNG những câu trả lời và thông tin cung cấp cho Công Ty là chính xác, đầy đủ và có thật. Chúng tôi/Tôi đồng ý rằng các câu trả lời và thông tin nêu ở đây là cơ sở của Hợp đồng bảo hiểm giữa Chúng tôi/Tôi và Công ty. Chúng tôi/Tôi đã nhận được, đã đọc và hiểu, và đồng ý với bản Quy tắc bảo hiểm MỌI RỦI RO TÀI SẢN của Công ty đang áp dụng bao gồm cả các điều khoản bảo hiểm, các điểm loại trừ và các điều kiện liên quan. Chúng tôi/Tôi đồng ý cho Công Ty (i) gửi các thông tin và giới thiệu về sản phẩm và dịch vụ của Công Ty, cũng như các thông tin chăm sóc khách hàng khác, đến số điện thoại và/hoặc địa chỉ liên lạc của Chúng tôi/Tôi và (ii) gửi



và lưu trữ các thông tin liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm này tại các bên thứ ba làm dịch vụ xử lý, lưu trữ và/hoặc sao lưu dữ liệu cho Công Ty.”

2/ SANCTION LIMITATION EXCLUSION: “Liberty shall not provide cover and shall not be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose Liberty to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United State of America”

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ LIÊN QUAN GIỚI HẠN CẤM VẬN: “Liberty sẽ không bảo hiểm và không có trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bất kỳ yêu cầu bồi thường hoặc cung cấp các quyền lợi nào dưới đây nếu như việc việc cung cấp bảo hiểm, thanh toán các yêu cầu bồi thường này hoặc cung cấp quyền lợi như vậy sẽ làm cho Liberty vi phạm bất kỳ quy định cấm vận, ngăn cấm, hoặc hạn chế theo các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc hoặc các lệnh cấm vận kinh tế hay thương mại, luật pháp hoặc quy định của Liên Hiệp Châu Âu, Vương Quốc Anh hoặc Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ”

---

Date/Ngày

---

(Name and signature of proposer and company chop)  
Người yêu cầu bảo hiểm (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

***The liability of the Company does not commence until this Proposal has been accepted by the Company.***  
Trách nhiệm của Công ty sẽ không phát sinh cho đến khi Giấy yêu cầu bảo hiểm này được Công ty chấp thuận.

**PROPERTY ALL RISKS PROPOSAL FORM**  
**GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM MỌI RỦI RO TÀI SẢN**

**Intermediary/Trung gian bảo hiểm:** \_\_\_\_\_ **Account No./Mã số:** \_\_\_\_\_  
**Tel No./Số điện thoại:** \_\_\_\_\_ **Fax No./Số fax:** \_\_\_\_\_  
**Email/Thư điện tử:** \_\_\_\_\_

Please write or tick ☐ where applicable.

Xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi dưới đây bằng cách viết hoặc đánh dấu vào ☐ nơi tương ứng.

**1. The Proposer/Người yêu cầu bảo hiểm**

Registered Business name/Tên đăng ký kinh doanh: \_\_\_\_\_

Mailing address/Địa chỉ giao dịch: \_\_\_\_\_

Tel No./Số điện thoại: \_\_\_\_\_ Fax No./Số fax: \_\_\_\_\_

Email/Thư điện tử: \_\_\_\_\_

Nature of Business (Please provide full description)/Ngành nghề kinh doanh (xin miêu tả chi tiết): \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

Tax Number/ Mã số thuế \_\_\_\_\_

Business Registration No./Số đăng ký kinh doanh: \_\_\_\_\_

Number of Years in Business/Số năm hoạt động kinh doanh: \_\_\_\_\_

Mortgagee (if any)/Bên cầm cố thế chấp (nếu có): \_\_\_\_\_

**2. Period of Insurance/Thời hạn bảo hiểm: From/Từ: \_\_\_\_\_ To/Đến: \_\_\_\_\_**

**3. The Premises to be insured/Địa điểm có yêu cầu bảo hiểm**

Location/Địa điểm: \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

Use of Premises/Mục đích sử dụng địa điểm:

☐ Office Building/Tòa nhà văn phòng

☐ Apartment Building/Tòa nhà Căn hộ

☐ Hotel/Khách sạn

☐ Commercial Centre/Trung tâm Thương mại

☐ Shop/Cửa hàng

☐ Restaurant/Nhà hàng

☐ Dwelling/Nhà ở

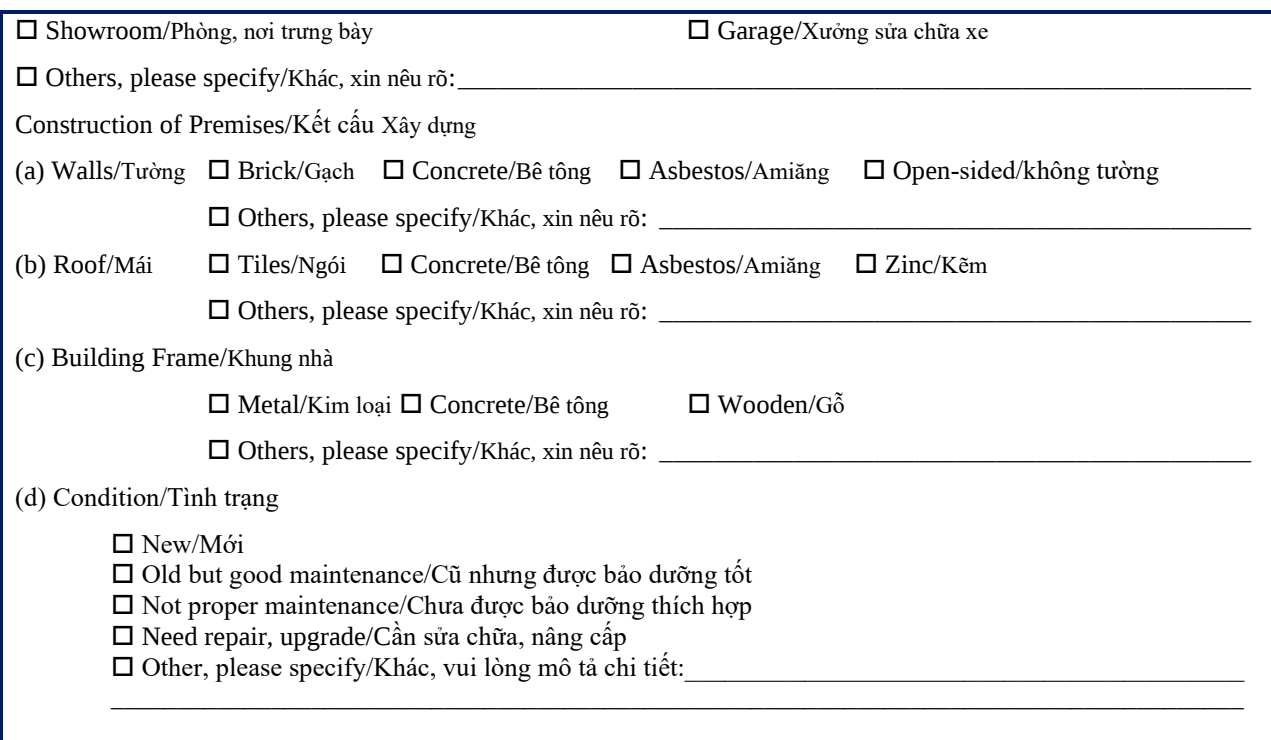
☐ Warehouse/Nhà kho

☐ Manufacturing/Xưởng sản xuất

☐ Engineering/Công trình xây dựng

**Head Office:** Vincom Office Building, 18<sup>th</sup> Floor  
45A Ly Tu Trong Street, District 1  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: (84-28) 38 125 125  
Fax: (84-28) 38 125 018

**Hanoi Branch Office:** Lotte Center Building, East Tower, 10<sup>th</sup> Floor  
54 Lieu Giai, Ba Dinh District  
Hanoi, Vietnam  
Tel: (84-24) 37 557 111  
Fax: (84-24) 37 557 066



|                                             |                                                           |                                   |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| ▪ Sprinkler/Hệ thống cứu hỏa tự động        | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Fire Distinguisher/Bình cứu hỏa           | <input type="checkbox"/> Yes & Number/Có & Số lượng:_____ | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Yard Hydrants/Họng nước cứu hỏa trong sân | <input type="checkbox"/> Yes & Number/Có & Số lượng:_____ | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Hose Reels/Vòi rồng                       | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Fire Alarm/Chuông báo cháy                | <input type="checkbox"/> Yes/Có                           | <input type="checkbox"/> No/Không |

**Nếu Có, chuông báo cháy được nối tới đâu?**

- Smoke Detector/Máy phát hiện khói ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Heat Detector/Máy phát hiện nhiệt ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- In-house Fire Brigade/Đội cứu hỏa tại chỗ ☐ Yes/Có ☐ No/Không

**Nếu Có**, họ có được tập huấn không và số người có trong đội.

- Protection other than the above/Các biện pháp bảo vệ khác ngoài những biện pháp kể trên, xin nêu rõ: \_\_\_\_\_

- Surveillance Camera/Camera theo dõi ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Burglar Alarm System/Hệ thống cảnh báo trộm ☐ Yes/Có ☐ No/Không

(b) Whether connected to a central monitoring station? ☐ Yes/Có ☐ No/Không

Hệ thống có được nối với trạm giám sát trung tâm không?

- |                                                          |                                 |                                   |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| ▪ Grilled Doors/Cửa lưới sắt                             | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ 24 Hours Watchman Service/Nhân viên bảo vệ trực 24/24h | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Security Checkpoint/Chốt kiểm soát                     | <input type="checkbox"/> Yes/Có | <input type="checkbox"/> No/Không |
| ▪ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____         |                                 |                                   |
| _____                                                    |                                 |                                   |
| _____                                                    |                                 |                                   |

#### 6. Property to be insured/Tài sản yêu cầu bảo hiểm

| Items/Hạng mục                                                                                                                            | Property Value (USD/VND)<br>Giá trị tài sản (USD/VND) | Sum Insured (USD/VND) (*)<br>Số tiền bảo hiểm (USD/VND) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| (a) Building/ Plant /Improvement Cost<br>/Tòa nhà/Xưởng/Các chi phí sửa sang                                                              | _____                                                 | _____                                                   |
| (b) Furniture, Fixtures & Fittings<br>/Đồ đạc, trang thiết bị                                                                             | _____                                                 | _____                                                   |
| (c) Office & Business Equipment<br>/Thiết bị văn phòng & kinh doanh                                                                       | _____                                                 | _____                                                   |
| (d) Stock & Materials consisting of, please specify:<br>Hàng hóa và nguyên vật liệu bao gồm, vui lòng<br>liệt kê chi tiết: _____<br>_____ | _____<br>_____                                        | _____<br>_____                                          |
| (e) Machinery & Equipment<br>/ Máy móc & Thiết bị                                                                                         | _____                                                 | _____                                                   |
| (f) Loss of Rent<br>Thiệt hại về tiền cho thuê địa điểm: ____ months/tháng                                                                | _____                                                 | _____                                                   |
| (g) Others, please specify<br>/Khác, xin nêu rõ: _____<br>_____                                                                           | _____<br>_____                                        | _____<br>_____                                          |
| <b>Total Sum Insured (USD/VND)</b><br>Tổng số tiền bảo hiểm (USD/VND)                                                                     | _____                                                 | _____                                                   |

Turnover of each year in three (03) latest years/Doanh thu của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_

Stock of each year in three (03) latest years/Hàng hoá tồn kho của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. \_\_\_\_\_
2. \_\_\_\_\_
3. \_\_\_\_\_

(\*) If the property hereby insured shall, at the commencement of any Damage, be collectively of greater value than the sum insured thereon, then the Insured shall be considered as being his own insurer for the difference, and shall bear a rateable proportion of the loss accordingly. Please read the basic wording and / or contact person in charge for

further information.

Nếu Tài sản được Bảo hiểm tại thời điểm xảy ra Thiệt Hại có tổng giá trị lớn hơn số tiền bảo hiểm, thì Người được Bảo hiểm sẽ được xem như là nhà bảo hiểm của chính họ cho phần chênh lệch và theo đó phải tự gánh chịu một phần tổn thất theo tỷ lệ tương ứng. Xin vui lòng đọc kỹ quy tắc bảo hiểm và/hoặc liên hệ với Công ty bảo hiểm để được giải thích chi tiết.

#### 7. Risk hazards/ Nguy cơ rủi ro

- Fire/Cháy:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Explosion/Nổ:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Storm, typhoon/Giông bão:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Flood/Ngập lụt:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Tide/Triều cường:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Earthquake/Động đất:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ
- Landslide subsidence/Đất lở, đất trượt:  
☐ Low/Thấp    ☐ Moderate/Trung bình    ☐ High/Cao    ☐ Unknown/Không rõ

#### 8. Loss Experience/Lịch sử Tổn thất

Please give full particulars of all losses for the last 5 years/Cho biết chi tiết của tất cả các tổn thất trong 5 năm gần đây.

| Date of Loss<br>Ngày xảy ra thiệt hại | Nature of Loss<br>Bản chất của thiệt hại | Amount of Loss (USD/VND)<br>Số tiền tổn thất (USD/VND) |
|---------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |
|                                       |                                          |                                                        |

#### 9. Other Information / Các thông tin khác

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| (a) | Are there any hazardous goods stored in the Premises? <b>If Yes</b> , please state the types of hazardous goods: _____<br>Trong nhà xưởng có chứa các loại hàng hóa nguy hiểm không? <b>Nếu Có</b> , xin cho biết tên loại hàng hóa đó: _____ | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |
| (b) | Is the Premises shared with others? <b>If Yes</b> , please state its nature of business?<br>Nhà xưởng có dùng chung với đơn vị khác không? <b>Nếu Có</b> , xin cho biết ngành nghề kinh doanh?<br>_____<br>_____<br>_____                     | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (c) | <p>Does the building adjoin any other premises? <b>If Yes</b>, please state its nature of business.</p> <p>Tòa nhà có nối liền với khu nhà xưởng nào khác không? <b>Nếu Có</b>, xin cho biết ngành nghề kinh doanh tại khu nhà xưởng đó.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>Neighboring exposure/Rủi ro lân cận</p> <p>Front/Phía trước: _____</p> <p>Rear/Phía sau: _____</p> <p>Left/Bên trái: _____</p> <p>Right/Bên phải: _____</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không                                                                                                                                                                 |
| (d) | <p>Is there any insurance in force on the same property being proposed?</p> <p>Tài sản được yêu cầu bảo hiểm trong Giấy yêu cầu này có trùng với bất kỳ một đơn bảo hiểm nào khác đang có hiệu lực không?</p> <p><b>If Yes</b>, please state/<b>Nếu Có</b>, xin cho biết:</p> <p>(i) Name of Insurer/Tên công ty bảo hiểm: _____</p> <p>(ii) Sum Insured/Số tiền bảo hiểm (USD/VND): _____</p> <p>(iii) Insurance Period/thời hạn bảo hiểm: _____</p>                                                                                                                                                                                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không                                                                                                                                                                 |
| (e) | <p>Has any insurance company ever/Có công ty bảo hiểm nào đã từng:</p> <p>(i) declined your Fire/Property All Risks Proposal?<br/>từ chối Giấy yêu cầu bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro tài sản của quý vị?</p> <p>(ii) required special terms to insure you?<br/>áp dụng điều kiện đặc biệt trong bảo hiểm của quý vị?</p> <p>(iii) cancelled or refused to renew your Fire/Property All Risks Policy?<br/>hủy bỏ hay từ chối tái tục bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro tài sản của quý vị?</p>                                                                                                                                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không         |
| (f) | <p>Is the Premises located with area which affected: / Nhà xưởng, địa điểm tham gia bảo hiểm có gần khu vực bị tác động bởi:</p> <p>(i) By flooding, tidal / dễ ảnh hưởng bởi lũ, lụt, triều cường. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>(ii) Nearby any dam, lake, hydroelectric plant/ gần khu vực đập, hồ, thủy điện. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>iii) Other element/ ảnh hưởng bởi các yếu tố khác. <b>If Yes</b>, please clearly describe / <b>Nếu có</b> vui lòng mô tả cụ thể.</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>_____</p> | <input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không<br><br><br><input type="checkbox"/> Yes/Có<br><input type="checkbox"/> No/Không |

(g) Manufacturing process (If apply)/Quy trình sản xuất (nếu có): \_\_\_\_\_

#### 10. Details of Expiring Insurance/Chi tiết về bảo hiểm sắp đáo hạn

Please provide the following information/Xin vui lòng cung cấp các thông tin sau:

(a) Insurer/Công ty bảo hiểm: \_\_\_\_\_

(b) Sum Insured (USD/VND): \_\_\_\_\_  
Số tiền bảo hiểm

(c) Annual Premium (USD/VND): \_\_\_\_\_  
Phí bảo hiểm năm

(d) Deductible: \_\_\_\_\_  
Mức miễn thường

(e) Special Terms and Conditions: \_\_\_\_\_  
Các điều kiện và điều khoản đặc biệt

(f) Expiry Date/Ngày đáo hạn: \_\_\_\_\_

#### 11. Additional Information/Thông tin bổ sung

Please attach sketch plan and photographs if available/Vui lòng đính kèm sơ đồ nhà xưởng và hình ảnh nếu có.

#### 12. Mode of Payment/Phương thức thanh toán

- ☐ Bank transfer / chuyển khoản      ☐ Cash at the Company / nộp tiền mặt tại Công ty Bảo hiểm  
☐ Cash via Agent or Sales staff / nộp tiền mặt cho Đại lý hay cho nhân viên bán hàng của Công ty Bảo hiểm

#### 13. Language of the Policy/ Ngôn ngữ Hợp Đồng

- ☐ English / Tiếng Anh      ☐ Vietnamese / Tiếng Việt

#### Declaration/Cam kết

1/ WE/I DO HEREBY REPRESENT AND WARRANT that the answers/information given above in every respect are true, complete and correct. We/I agree that the answers/information provided above shall be the basis of the Insurance Policy between the Company and ourselves/myself. We/I have received, read, understand and agree to the Company's applicable PROPERTY ALL RISKS INSURANCE policy wording, including but not limitation to, coverage terms, exclusions and conditions expressed therein. We/I hereby agree that the Company can (i) send information on its products and services as well as other customer services' information, to our phone numbers and/or email/mail addresses and (ii) provide all information relating to any third party vendors that provide data processing, back-up and/or storage services to the Company.

CHÚNG TÔI/TÔI ĐOAN KẾT RẰNG những câu trả lời và thông tin cung cấp cho Công Ty là chính xác, đầy đủ và có thật. Chúng tôi/Tôi đồng ý rằng các câu trả lời và thông tin nêu ở đây là cơ sở của Hợp đồng bảo hiểm giữa Chúng tôi/Tôi và Công ty. Chúng tôi/Tôi đã nhận được, đã đọc và hiểu, và đồng ý với bản Quy tắc bảo hiểm MỌI RỦI RO TÀI SẢN của Công ty đang áp dụng bao gồm cả các điều khoản bảo hiểm, các điểm loại trừ và các điều kiện liên quan. Chúng tôi/Tôi đồng ý cho Công Ty (i) gửi các thông tin và giới thiệu về sản phẩm và dịch vụ của Công Ty, cũng như các thông tin chăm sóc khách hàng khác, đến số điện thoại và/hoặc địa chỉ liên lạc của Chúng tôi/Tôi và (ii) gửi



và lưu trữ các thông tin liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm này tại các bên thứ ba làm dịch vụ xử lý, lưu trữ và/hoặc sao lưu dữ liệu cho Công Ty.”

2/ SANCTION LIMITATION EXCLUSION: “Liberty shall not provide cover and shall not be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose Liberty to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United State of America”

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ LIÊN QUAN GIỚI HẠN CẤM VẬN: “Liberty sẽ không bảo hiểm và không có trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bất kỳ yêu cầu bồi thường hoặc cung cấp các quyền lợi nào dưới đây nếu như việc việc cung cấp bảo hiểm, thanh toán các yêu cầu bồi thường này hoặc cung cấp quyền lợi như vậy sẽ làm cho Liberty vi phạm bất kỳ quy định cấm vận, ngăn cấm, hoặc hạn chế theo các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc hoặc các lệnh cấm vận kinh tế hay thương mại, luật pháp hoặc quy định của Liên Hiệp Châu Âu, Vương Quốc Anh hoặc Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ”

---

Date/Ngày

---

(Name and signature of proposer and company chop)  
Người yêu cầu bảo hiểm (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

***The liability of the Company does not commence until this Proposal has been accepted by the Company.***  
Trách nhiệm của Công ty sẽ không phát sinh cho đến khi Giấy yêu cầu bảo hiểm này được Công ty chấp thuận.